SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5380 /QĐ-BVVT

Hải Phòng, ngày 21 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp thuốc năm 2026 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp (lần 22)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 74/VBHN-VPQH ngày 25/3/2026);

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược;

Căn cứ Quyết định số 3048/QĐ-SYT ngày 7/11/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao cơ chế tự chủ cho Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Tổ mua sắm số 1 tại tờ trình ngày 14/10/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp thuốc năm 2026 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp (lần 22).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Cung cấp thuốc năm 2026 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp (lần 22) với nội dung chi tiết theo phụ lục đính 1 đính kèm.

Danh mục chi tiết mặt hàng thuốc mua sắm tại phụ lục 2 đính kèm.

Điều 2. Tổ mua sắm số 1 chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- HTMĐTQG;
- Lưu: VT, TMSS1 (Huyền).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ PHONG BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Nguyễn Đức Hoạt

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU:

CUNG CẤP THUỐC NĂM 2026 CỦA BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP (LẦN 22)

(Kèm theo Quyết định số 5380 /QĐ-BVVT ngày 21 /10/2026 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Mua sắm thuốc Generic (gồm 17 lô)	Mua thuốc	**1.784.707.000**	Nguồn thu từ Quỹ Bảo hiểm y tế, dịch vụ y tế và nguồn thu hợp pháp khác của bệnh viện	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	-	01 tháng	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	10 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**1.784.707.000**	*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm linh bảy nghìn đồng./.*							

Phụ lục 2

Danh mục, số lượng và giá kế hoạch cung cấp thuốc năm 2026 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp (lần 22)

(Kèm theo Quyết định số 5380/QĐ-BVVT ngày 21/10/2026 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá dự kiến (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Calcipotriol (monohydrat)	4	0,75mg/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	510	120.000	61.200.000	
2	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	1	1000UI	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Hộp/Bộ	810	75.000	60.750.000	
3	Magnesi aspartat + Kali aspartat	4	140mg + 158mg	Uống	Viên	Viên	106.200	1.260	133.812.000	
4	Sofosbuvir; Velpatasvir	2	400mg; 100mg	Uống	Viên	Viên	3.360	192.100	645.456.000	
5	Tenofovir disoproxil fumarat	1	300mg	Uống	Viên	Viên	7.200	28.000	201.600.000	
6	Tenofovir disoproxil fumarat	2	300mg	Uống	Viên	Viên	21.600	1.450	31.320.000	
7	Tenofovir disoproxil fumarat	4	300mg	Uống	Viên	Viên	43.200	998	43.113.600	
8	Zoledronic acid (monohydrat)	1	4mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Hộp/Bộ	120	241.000	28.920.000	
9	Zoledronic acid (monohydrat)	2	4mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Hộp/Bộ	210	148.900	31.269.000	
10	Zoledronic acid (monohydrat)	4	5mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Hộp/Bộ	200	785.000	157.000.000	

11	Colchicin	2	1mg	Uống	Viên	Viên	22620	800	18.096.000	
12	Azathioprine	5	50mg	Uống	Viên	Viên	13000	6.930	90.090.000	
13	Fluconazol	5	200mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Hộp/Bộ	1300	94.500	122.850.000	
14	Gelatin succinyl + natri clorid + natri hydroxyd	5	20g + 3,505g + 0,68g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Hộp/Bộ	600	119.480	71.688.000	
15	Oxytocin	1	10 IU	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Hộp/Bộ	4200	11.000	46.200.000	
16	Dung dịch lọc màng bụng	2	(Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 1,5g; Magie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactate 448mg); 5 lít	Truyền dung dịch lọc vào khoang bụng	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Hộp/Bộ	120	194.000	23.280.000	
17	Dung dịch lọc màng bụng	2	(Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 4,25g; Magie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactate 448mg); 2 lít	Truyền dung dịch lọc vào khoang bụng	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Hộp/Bộ	212	85.200	18.062.400	
Gói thầu thuốc Generic gồm: 04 khoản thuốc nhóm 1; 06 khoản thuốc nhóm 2; 04 khoản thuốc nhóm 4; 03 khoản thuốc nhóm 5 Tổng giá gói thầu: **1.784.707.000 đồng** Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm linh bảy nghìn đồng./.)									**1.784.707.000**	